Thứ Tư, Ngày 4 Tháng 9 Năm 2024

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

### *Điều chỉnh sau lễ*

▶ Trong phiên giao dịch ngày thứ Hai, thị trường có nhịp điều chỉnh mạnh ngay từ đầu phiên sau khi nhà đầu tư có thời gian dài nghỉ lễ. Diễn biến không thuận lợi của thị trường quốc tế kéo theo tâm lý tiêu cực của thị trường trong nước. Thanh khoản thị trường ghi nhận xấp xỉ thanh khoản trung bình 20 ngày.

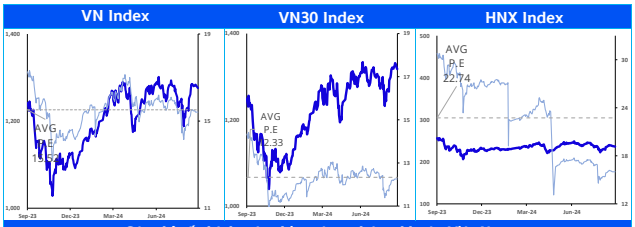
▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 8.07 điểm (-0.63%), đạt 1,275.80 điểm; HNX-Index giảm 1.42 điểm (-0.60%), đạt 236.14 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 15.72 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 648.4 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại bán ròng 774.8 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở DGC, HPG, VPB.

▶ VHM (+2.41%), GAS (+0.72%), CTG (+0.71%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, VCB (-2.25%), VPB (-0.85%), FPT (-0.45%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Vận tải, Dịch vụ viễn thông, và Nguyên vật liệu là các nhóm ngành ảnh hưởng lớn nhất đến đà giảm của thị trường trong phiên hôm nay. Các mã tiêu biểu: ACV, VGI, HPG, GVR.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Sau nhịp giằng co, VN-Index ghi nhận phiên điều chỉnh sau kì nghỉ lễ. Chỉ số giảm 8 điểm và thanh khoản duy trì quanh mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán chưa lớn để hình thành rủi ro. Phần lớn áp lực hôm nay đến từ nhóm VN30, trong khi nhóm Midcap, đặc biệt là bất động sản đã giữ được sắc xanh. Sau 7 phiên tích lũy và chưa phá được vùng cản 1300, trong các phiên tới, VN-Index nhiều khả năng sẽ xuất hiện các nhịp rung lắc để làm mới dòng tiền và tích lũy động lượng cho nhịp tăng tới. Xu hướng thị trường khả năng vận động vùng 1270-1280 điểm trong các phiên ở tuần này, vùng hỗ trợ cứng quanh 1260 điểm.

Chiến lược: Nhà đầu tư chờ đợi những nhịp điều chỉnh và bật tăng lại tại vùng hỗ trợ 1,240 - 1,250 có thể mua mới. Khuyến nghị nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ và quan sát chờ điểm mua phù hợp.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,276 | -0.6 | 3.2 | 4.2 | 15.4 | 1.7 | 5,279,612 |
| VN30 Index | 1,318 | -1.0 | 2.9 | 6.7 | 12.3 | 1.7 | 3,697,925 |
| VN Midcap | 1,911 | -0.6 | 3.4 | 8.8 | 17.1 | 1.6 | 1,022,654 |
| VN Smallcap | 1,426 | -0.5 | 0.0 | -0.5 | 20.6 | 1.0 | 263,985 |
| HNX Index | 236 | -0.6 | 2.0 | -5.4 | 16.0 | 1.3 | 305,534 |
| UpCom | 94 | -0.4 | 0.0 | 0.5 | 13.4 | 1.8 | 1,483,823 |

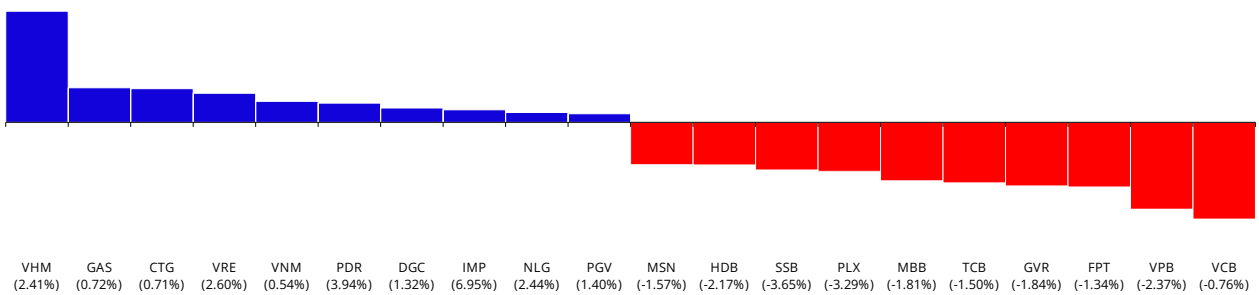
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | -0.7 | 8.8 | 54.2 | 1.3 | 281.4 | 4.4 | 143,531 |
| Bảo hiểm | -1.7 | 0.9 | 12.8 | 0.0 | 15.0 | 1.5 | 45,957 |
| Bất động sản | 0.7 | 9.0 | -0.4 | -18.0 | 14.5 | 1.3 | 735,288 |
| CNTT | -1.2 | 7.3 | 54.3 | 53.2 | 30.7 | 6.0 | 211,842 |
| Dầu khí | -3.2 | -1.7 | 42.7 | 18.1 | 26.3 | 2.9 | 74,560 |
| Dịch vụ tài chính | -1.1 | 6.8 | 10.0 | 11.1 | 22.3 | 1.9 | 199,429 |
| Tiện ích | 0.3 | 2.5 | 8.9 | -0.4 | 16.9 | 2.1 | 326,328 |
| Du lịch và Giải trí | -1.6 | -1.5 | 19.5 | 24.4 | n.a | 30.8 | 115,547 |
| Hàng & DV CN | -1.2 | -4.8 | 10.3 | 8.9 | 15.3 | 1.8 | 144,036 |
| Hàng CN & Gia dụng | -0.9 | 0.5 | 18.3 | 16.7 | 16.4 | 2.0 | 61,777 |
| Hóa chất | -0.9 | 5.2 | 39.7 | 38.7 | 28.2 | 2.2 | 248,856 |
| Ngân hàng | -1.0 | 2.3 | 16.7 | 11.8 | 10.1 | 1.6 | 2,052,740 |
| Ô tô và phụ tùng | -0.2 | -1.2 | 11.6 | 12.9 | 19.7 | 1.3 | 16,310 |
| Tài nguyên Cơ bản | -1.0 | -6.2 | -1.5 | 0.3 | 36.0 | 1.4 | 211,484 |
| Th.phẩm & Đồ uống | -0.5 | 2.9 | 5.8 | -7.3 | 26.3 | 2.8 | 456,896 |
| Truyền thông | -0.4 | -1.6 | -23.6 | 42.5 | 25.6 | 0.9 | 1,634 |
| Xây dựng và Vật liệu | 0.3 | 2.9 | -1.8 | -0.6 | 25.3 | 1.4 | 123,336 |
| Y tế | 1.7 | 1.1 | 12.9 | 4.4 | 15.4 | 2.1 | 39,105 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 102 | -0.2 | 1.1 | -1.5 | -2.4 | 0.3 | -2.5 |
| USD/JPY | 145 | -0.3 | 0.3 | 0.6 | -6.4 | 2.8 | -1.0 |
| USD/CNY | 7 | -0.1 | -0.1 | -0.3 | -1.7 | 0.2 | -2.2 |
| KRW/USD | 1,341 | -0.1 | 0.4 | -2.0 | -2.5 | 4.1 | 1.6 |
| EUR/USD | 1 | -0.1 | 0.6 | -0.9 | -1.6 | -0.1 | -2.3 |
| USD/VND | 24,862 | -0.1 | 0.0 | -1.0 | -2.2 | 2.4 | 3.3 |
| Dầu Thô | 70 | -0.5 | -7.4 | -4.8 | -4.5 | -2.3 | -18.2 |
| Xăng | 237 | 19.9 | 5.5 | 2.3 | 0.9 | 12.8 | -8.5 |
| Khí đốt | 2 | -0.8 | 14.8 | 11.1 | -15.5 | -13.0 | -20.9 |
| Than | 142 | -1.3 | -2.7 | -1.5 | 1.3 | -3.0 | -9.1 |
| Vàng | 2,484 | -0.3 | -0.8 | 3.1 | 6.8 | 20.4 | 27.9 |
| Thép cuộn | 3,129 | -1.7 | -3.6 | -9.7 | -17.4 | -23.3 | -21.5 |

**Đóng góp vào VN Index**




**[Analyst ]**
**Phuc Nguyen**
☎ (84-28) 6299 - 8025
✉ phuc.nlh@shinhan.com

**[Analyst ]**
**Ngoc Le**
☎ (84-28) 6299 - 8017
✉ ngoc.lh@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức nổi bật

**1. VNZ – Công nghệ:** Trong quý II/2024, VNG đã nâng tỉ lệ nắm giữ tại Zion (đơn vị sở hữu ZaloPay) từ 72.65% lên 99.99%, tương đương từ 3,364 tỷ đồng lên 5,141.6 tỷ đồng.

**2. VLC – Thực phẩm và đồ uống:** Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam (Vilico) – công ty con của CTCP Sữa Việt Nam (Vinamilk) sẽ vận hành thương mại nhà máy chế biến thịt bò mát công suất 10,000 tấn/năm trong tháng 9 này.

**3. QCG – Bất động sản:** Sau nhiều năm bỏ hoang, CTCP Quốc Cường Gia Lai dự kiến sẽ mở bán dự án Marina Đà Nẵng trong Q4.2024 hoặc Q1.2025. Ước tính thu về 1,000 tỷ đồng từ dự án này.

**4. NAB – Ngân hàng:** Theo Ngân hàng TMCP Nam Á, tính đến ngày 22/8/2024, ngân hàng này đang có 15 cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ, trong đó gồm 9 cổ đông tổ chức và 6 cổ đông cá nhân.

**5. NVL – Bất động sản:** Novaland công bố đã thông qua việc kéo dài thời hạn trái phiếu từ 48 tháng lên thành 60 tháng của 3 trái phiếu NVL2020-03-140, NVL2020-03-190 và NVL2020-03-240, theo đó các lô trái phiếu trên sẽ đáo hạn vào tháng 08/2025.

**6. FMC – Thủy sản:** Trong 8 tháng đầu năm 2024, doanh số tiêu thụ của Sao Ta ước đạt 156.6 triệu USD. Năm 2024, công ty đặt kế hoạch doanh số tiêu thụ 210 triệu USD. Như vậy, với kết quả trên, công ty đã thực hiện được 75% kế hoạch đặt ra.

**7. LPB – Ngân hàng:** LPBank quyết định miễn nhiệm chức danh phó tổng giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Gấm và ông Lê Anh Tùng kể từ ngày 31/8/2024 theo nguyện vọng cá nhân.

**8. DBC – Hóa chất:** Tập đoàn Dabaco cho biết KQKD tháng 7-8/2024 tăng 33% YoY. Kết quả này một phần đến từ việc tập đoàn đã thử nghiệm nội bộ thành công vaccine ASF, giúp kiểm soát dịch bệnh.

**9. CSM – Ô tô và phụ tùng:** Theo Casumina, cổ tức sẽ được chi trả bằng tiền mặt với tỷ lệ 3%. Ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức là 16/9 và thời gian thanh toán sẽ diễn ra vào ngày 27/9.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH – TNH**

**TNH – Y tế:** CTCP Tập đoàn Bệnh viện Quốc tế TNH vừa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty từ 49% lên 70%.






Shinhan Securities

# Xu hướng dòng tiền

## Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 9/3/2024 | 9/4/2024 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Y tế | 77.7 | 53 | 77 | 43 | |
| 2 | Dầu khí | 74.9 | 92 | 253 | 145 | |
| 3 | Ô tô và phụ tùng | 53.1 | 36 | 78 | 51 | |
| 4 | Xây dựng và Vật liệu | 47.0 | 359 | 684 | 465 | |
| 5 | Công nghệ Thông tin | 45.7 | 476 | 649 | 446 | |
| 6 | Hóa chất | 30.7 | 854 | 896 | 686 | |
| 7 | Bảo hiểm | 19.0 | 16 | 32 | 27 | |
| 8 | Tài nguyên Cơ bản | 15.2 | 756 | 901 | 782 | |
| 9 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 11.7 | 176 | 252 | 226 | |
| 10 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 2.5 | 416 | 497 | 485 | |
| 11 | Ngân hàng | 0.4 | 2,283 | 2,908 | 2,896 | |
| 12 | Thực phẩm và đồ uống | -1.4 | 961 | 1,058 | 1,073 | |
| 13 | Hàng cá nhân & Gia dụng | -9.0 | 194 | 242 | 266 | |
| 14 | Bất động sản | -10.3 | 2,896 | 2,883 | 3,215 | |
| 15 | Du lịch và Giải trí | -11.0 | 150 | 109 | 123 | |
| 16 | Dịch vụ tài chính | -13.4 | 1,745 | 1,620 | 1,870 | |
| 17 | Truyền thông | -30.3 | 5 | 5 | 7 | |

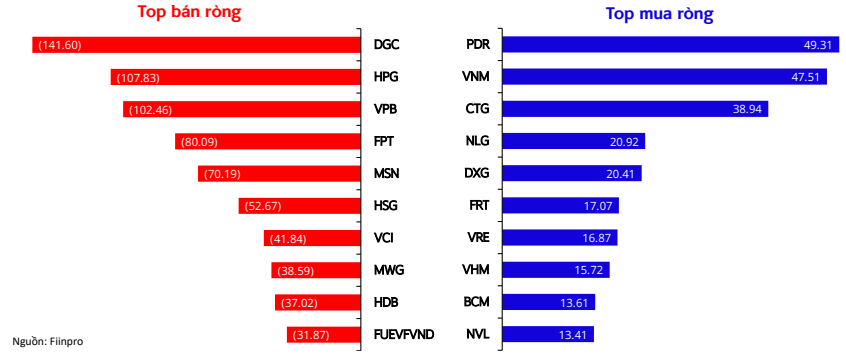
## Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | Xu hướng |
| FPT | FPT Corp | Công nghệ Thông tin | 133,000 | -1.3 | 1.1 | 59.2 | 51 | 600.2 | |
| VPB | VPBank | Ngân hàng | 18,500 | -2.4 | -2.6 | -3.6 | 62 | 434.5 | |
| HHV | Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả | Xây dựng và Vật liệu | 12,450 | 6.0 | 4.2 | -15.4 | 332 | 150.1 | |
| MSN | Tập đoàn Masan | Thực phẩm và đồ uống | 75,300 | -1.6 | -1.2 | 12.4 | 39 | 370.2 | |
| MBB | MBBank | Ngân hàng | 24,400 | -1.8 | -0.2 | 30.8 | 34 | 370.7 | |
| PDR | BĐS Phát Đạt | Bất động sản | 22,400 | 3.9 | 2.3 | -11.0 | 33 | 354.8 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 42,500 | 2.4 | 4.9 | -1.6 | 18 | 579.3 | |
| DGC | Hóa chất Đức Giang | Hóa chất | 115,200 | 1.3 | 3.8 | 22.0 | 23 | 429.5 | |
| KDH | Nhà Khang Điền | Bất động sản | 38,000 | 0.8 | 0.8 | 21.0 | 121 | 144.1 | |
| GVR | Tập đoàn CN Cao su VN | Hóa chất | 34,700 | -1.8 | -1.0 | 63.7 | 132 | 132.3 | |
| PLX | Petrolimex | Dầu khí | 47,000 | -3.3 | -3.2 | 36.2 | 164 | 120.7 | |
| VCG | VINACONEX | Xây dựng và Vật liệu | 19,300 | 2.7 | 2.4 | -12.5 | 200 | 111.5 | |
| PVD | Khoan Dầu khí PVDrilling | Dầu khí | 26,700 | -2.7 | -3.3 | -5.7 | 125 | 132.3 | |
| SHB | SHB | Ngân hàng | 10,400 | -1.4 | -1.9 | -3.7 | 73 | 169.4 | |
| HSG | Tập đoàn Hoa Sen | Tài nguyên Cơ bản | 20,300 | -2.4 | -3.3 | -11.0 | 41 | 243.4 | |

## Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| HAX | Ô tô Hàng Xanh | Ô tô và phụ tùng | 17,850.0 | 6.9 | 4.7 | 47.7 | 6.8 | 17.85 | |
| HHV | Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả | Xây dựng và Vật liệu | 12,450.0 | 6.0 | 4.2 | -15.4 | 5.9 | 12.45 | |
| FCN | FECON CORP | Xây dựng và Vật liệu | 13,250.0 | 4.7 | 4.7 | -7.7 | 5.0 | 13.25 | |
| VCG | VINACONEX | Xây dựng và Vật liệu | 19,300.0 | 2.7 | 2.4 | -12.5 | 2.1 | 19.30 | |
| LCG | LIZEN | Xây dựng và Vật liệu | 11,100.0 | 3.3 | 0.0 | -7.5 | 2.7 | 11.10 | |
| HNG | Nông nghiệp Quốc tế HAGL | Thực phẩm và đồ uống | 4,380.0 | 0.5 | 6.8 | -6.8 | 1.0 | 4.38 | |
| SHI | Quốc tế Sơn Hà | Tài nguyên Cơ bản | 14,700.0 | 0.0 | 0.0 | 8.1 | 0.0 | 14.70 | |
| TNT | Tập đoàn TNT | Tài nguyên Cơ bản | 4,400.0 | -0.5 | 0.7 | -4.8 | -0.2 | 4.40 | |
| BKG | Đầu tư BKG Việt Nam | Hàng cá nhân & Gia dụng | 3,610.0 | -1.1 | -2.7 | -13.1 | -1.4 | 3.61 | |
| STK | Sợi Thế Kỷ | Hàng cá nhân & Gia dụng | 25,500.0 | -2.1 | -1.7 | -1.7 | -2.3 | 25.50 | |

## Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)




Nguồn: Fiinpro

## Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 9/4/2024 | 1,593.8 | 2,367.4 | -773.6 |
| 8/30/2024 | 1,565.9 | 1,500.7 | 65.2 |
| 8/29/2024 | 1,786.0 | 1,901.9 | -115.9 |
| 8/28/2024 | 1,409.8 | 1,522.7 | -112.9 |
| 8/27/2024 | 1,242.6 | 1,484.8 | -242.1 |
| 8/26/2024 | 1,395.0 | 1,785.1 | -390.1 |
| 8/23/2024 | 1,558.1 | 1,635.7 | -77.6 |
| 8/22/2024 | 1,680.5 | 2,152.7 | -472.2 |
| 8/21/2024 | 2,064.7 | 2,281.6 | -216.9 |
| 8/20/2024 | 1,833.7 | 1,506.3 | 327.4 |
| 8/19/2024 | 1,182.9 | 1,494.2 | -311.3 |
| 8/16/2024 | 2,128.7 | 2,202.0 | -73.3 |
| 8/15/2024 | 1,634.2 | 1,513.9 | 120.4 |
| 8/14/2024 | 2,222.8 | 1,536.5 | 686.3 |
| 8/13/2024 | 1,901.0 | 1,584.4 | 316.5 |
| 8/12/2024 | 1,591.7 | 1,566.5 | 25.2 |



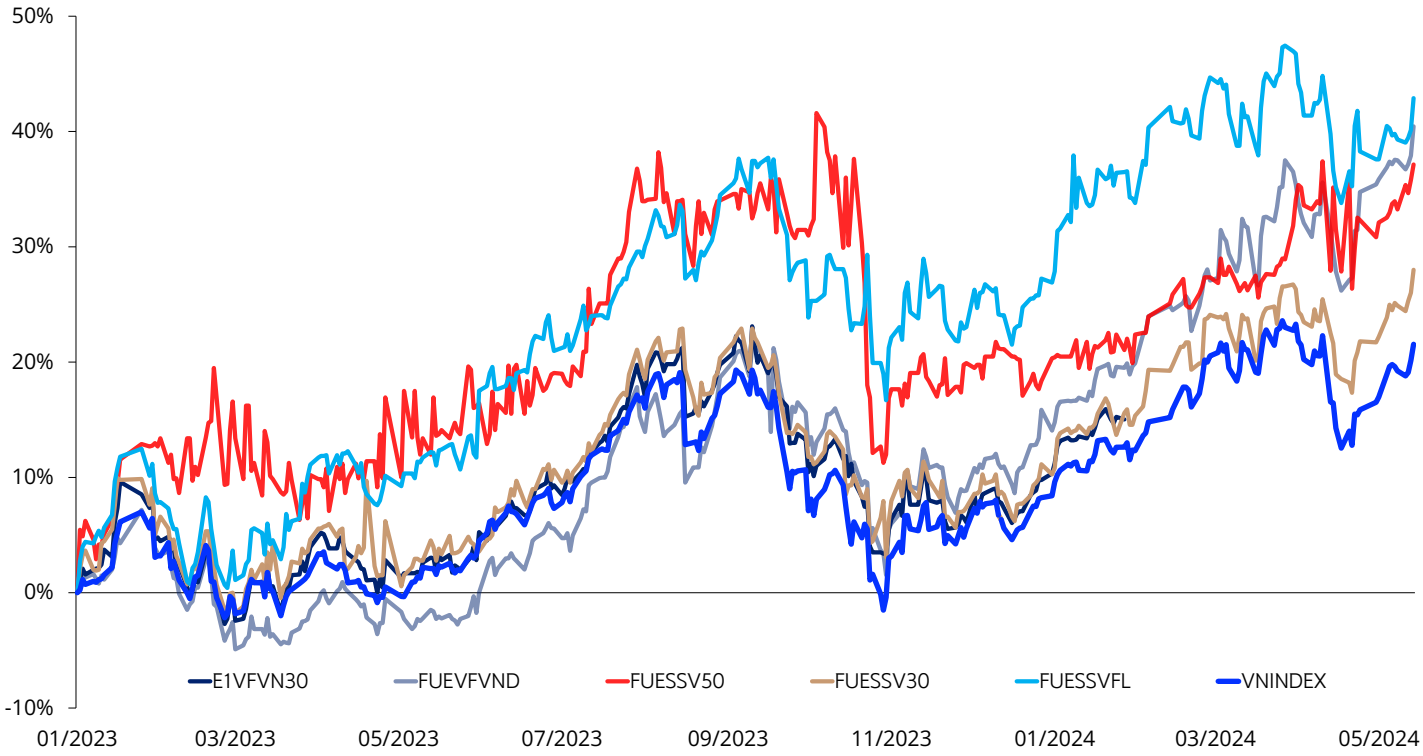
Shinhan Securities

# Chứng chỉ quỹ ETF

**Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 22,990 | -1.2% | 3.0% | 18.3% | 1,813,900 | 41.6 | |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 19,640 | -1.2% | 2.8% | 17.6% | 17,200 | 0.3 | |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 20,630 | -2.0% | 1.8% | 11.8% | 2,157,500 | 44.7 | |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 33,100 | -1.3% | 2.4% | 25.2% | 1,394,400 | 46.1 | |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 17,620 | -1.3% | 2.0% | 14.9% | 156,800 | 2.8 | |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 16,350 | -1.0% | -0.3% | 17.0% | 48,900 | 0.8 | |
| 7 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 15,790 | -1.3% | 2.9% | 17.0% | 44,200 | 0.7 | |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 8,750 | 0.6% | -2.0% | 3.9% | 300 | 0.0 | |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 9,000 | 1.1% | 4.8% | 20.0% | 34,700 | 0.3 | |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 12,000 | -1.4% | 1.0% | 10.1% | 3,300 | 0.0 | |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 12,520 | -1.1% | 2.7% | 18.1% | 800 | 0.0 | |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | FUEMAVND | 13,920 | -1.6% | 2.4% | 27.4% | 100 | 0.0 | |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FUEFCV50 | 12,290 | -0.9% | -1.3% | -4.2% | 4,800 | 0.1 | |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | FUEKIVND | n.a | n.a | n.a | n.a | 10,200 | n.a | |
| 15 | Thien Viet Growth Fund 3 | FUCTVGF3 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | |
| 16 | Thien Viet Growth Fund 4 | FUCTVGF4 | 13,750 | 0.0% | 0.4% | -1.8% | 100 | 0.0 | |
| 17 | Thien Viet Growth Fund 5 | FUCTVGF5 | 11,000 | 0.0% | 7.8% | 0.0% | 100 | 0.0 | |
| 18 | Bao Viet Fund VN Diamond | FUEBFVND | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | |
| 19 | TECHCOM VN RE ETF FUND | FUCVREIT | 6,500 | -2.5% | 1.7% | -10.2% | 300 | 0.0 | |

**Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX**




**Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | DCVFM | 8/14/2014 | VN30 | 292.5 | (377,646) | (99,058) | 8.4 | 15.4 | 1.0 | 2.02 | 1.6 | 11.2 | 63.0 |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | SSIAM | 12/15/2014 | VNX50IX | 5.1 | - | - | 3.9 | 30.3 | 0.9 | 1.82 | 1.7 | 12.0 | 51.4 |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | SSIAM | 2/24/2020 | VNFL | 24.5 | (45,560) | (207,397) | 5.8 | 20.1 | 1.0 | 2.31 | 1.3 | 8.6 | 80.8 |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | DCVFM | 5/12/2020 | VND | 489.3 | (164,840) | (2,719,804) | 22.2 | 18.9 | 1.0 | 2.25 | 1.9 | 11.9 | 80.7 |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | 0.013 | - | - | 8.2 | 15.7 | 0.9 | 1.77 | 1.6 | 12.1 | 45.9 |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | 6.5 | 8,245 | 8,245 | 8.1 | 20.5 | 1.0 | 1.99 | 1.6 | 11.2 | 63.3 |
| 7 | MAFN VN30 ETF | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | n.a | - | (7,683) | 7.9 | 16.7 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | I.P.A | 7/28/2021 | VN100 | 1.8 | - | - | -2.2 | 35.9 | 0.9 | 1.84 | 1.6 | 12.1 | 47.7 |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | KIM | 1/6/2022 | VN30TR | 61.9 | 53,040 | 341,044 | 10.7 | 20.2 | 0.9 | 1.99 | 1.6 | 11.2 | 63.5 |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | DCVFM | 9/29/2022 | VNMidcap | 12.7 | - | 34,470 | 10.5 | 24.8 | 1.1 | 1.35 | 1.6 | 15.8 | 46.3 |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | KIM | 11/3/2022 | VNFS | 12.2 | - | (42,664) | 14.5 | 20.2 | 1.0 | 2.16 | 1.4 | 8.6 | 70.8 |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | MAFM | 3/2/2023 | VND | n.a | - | 9,751 | 22.9 | 19.6 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FPTF | 5/25/2023 | VNX50 | n.a | - | - | -2.1 | 43.8 | 0.1 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | KIMF | 4/24/2024 | VNX50 | 3.1 | n.a | n.a | n.a | n.a | 1.1 | 2.18 | 1.8 | 11.6 | 85.0 |
| 15 | Thien Viet Growth Fund 3 | TVAM | #N/A N/A | VN100 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | -0.4 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 16 | Thien Viet Growth Fund 4 | TVAM | 9/26/2022 | VN100 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | -0.5 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 17 | Thien Viet Growth Fund 5 | TVAM | 12/29/2023 | VN100 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | 0.4 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 18 | Bao Viet Fund VN Diamond | BVF | 8/11/2023 | VN30 | n.a | - | - | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 19 | TECHCOM VN RE ETF FUND | TCBS | 2/27/2017 | VNRE | n.a | n.a | n.a | -12.3 | 58.5 | 0.5 | n.a | n.a | n.a | n.a |

Nguồn: Bloomberg

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Shinhan Securities